

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2012/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 11 năm 2012.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng Về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn quản lý đường đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số: 158/TTr-SXD ngày 25 tháng 9 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch (gọi tắt là lộ giới) một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành

phố Buôn Ma Thuột, ban hành kèm theo Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2010 và Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

1. Điều chỉnh lộ giới 23 tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột tại Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, có Phụ lục kèm theo.

2. Điều chỉnh lộ giới 01 tuyến đường (đường Lê Thánh Tông) giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột tại Quyết định số: 24/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại quy định chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, có Phụ lục kèm theo.

3. Bổ sung lộ giới 37 tuyến đường giao thông đô thị tại thành phố Buôn Ma Thuột, có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký;

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông và Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Y Dhăm Ênuôl

QUY ĐỊNH CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỒ, KÍCH THƯỚC MẶT CẮT NGANG QUY HOẠCH
MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ BUỒN MA THUỘT
(Phụ lục kèm theo Quyết định số: 43/2012/QĐ-UBND, ngày ...21.. tháng ...11... năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	TÊN ĐƯỜNG PHỐ	GIỚI HẠN		Chiều dài tuyến (m)	Chỉ giới đường đỏ (m)	MẶT CẮT QUY HOẠCH (m)			Ghi chú
		TỪ...	ĐẾN...			Hè phố (bên trái)	Mặt đường + (giải phân cách) + mặt đường	Hè phố (bên phải)	
A	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH 06/2010/QĐ-UBND NGÀY 08/02/2010 CỦA UBND TỈNH			51,888.40					
I	ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ THỊ VÀ ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC			9,868.00					
1	Phan Chu Trinh	Ngã 6 trung tâm	Nguyễn Văn Trỗi	957.00	24	5	14	5	
		Nguyễn Văn Trỗi	Lê Thị Hồng Gấm	1,417.00	30	8	14	8	
2	Hà Huy Tập	Lê Thị Hồng Gấm	Hết địa bàn phường Tân An	6,000.00	30	8	14	8	Đường Phan Chu Trinh (cũ) và Tỉnh lộ 8
3	Lý Thái Tổ	Lý Tự Trọng	Nguyễn Hữu Thọ	1,060.00	24	6	12	6	Lê Thánh Tông (cũ)
		Nguyễn Hữu Thọ	Giải Phóng	434.00	24	5	14	5	
II	ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC			5,620.00					
1	Phan Bội Châu	Nguyễn Tất Thành	Mai Xuân Thường	2,100.00	24	5	14	5	
		Mai Xuân Thường	Đường vành đai phía Tây	600.00	30	8	14	8	Theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2005
2	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Tất Thành	Phan Chu Trinh	1,020.00	24	6	12	6	
3	Y Moan E'Nuôl	Phan Chu Trinh	Hết địa bàn phường Tân Lợi	1,900.00	24	5	14	5	Lê Thị Hồng Gấm (cũ)
III	ĐƯỜNG KHU VỰC			7,718.00					
1	Cao Thắng	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	207.00	16	4	8	4	

2	Ngô Thị Nhậm	Nguyễn Hữu Thọ	Giải Phóng	830.00	18	4.5	9	4.5	
		Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	205.00	22	6	10	6	
		Nguyễn Hữu Thọ	Hoàng Minh Thảo	650.00	22	5	12	5	QH Km4-5, đoạn nối dài trùng với đường Chu Huy Mân
3	Hàn Mạc Tử	Lê Quý Đôn	Nguyễn Hữu Thọ	204.00	16	4	8	4	
		Nguyễn Hữu Thọ	Văn Tiến Dũng	260.00	16	4	8	4	QH Km4-5 đoạn nối dài trùng với đường Tạ Quang Bửu
4	Nguyễn Thượng Hiền	Lê Quý Đôn	Văn Tiến Dũng	480.00	16	4	8	4	
5	Phan Đăng Lưu	Lê Quý Đôn	Văn Tiến Dũng	480.00	16	4	8	4	
6	Lý Chính Thắng	Lê Quý Đôn	Giải phóng	780.00	16	4	8	4	
7	Trần Phú	Phan Chu Trinh	Ngô Mây	1,005.00	20	4.75	10.5	4.75	
		Ngô Mây	Nguyễn Tri Phương	937.00	16	3.5	9	3.5	
		Nguyễn Tri Phương	Phan Đình Phùng	500.00	18	4.5	9	4.5	Đường Trần Phú nối dài
		Phan Đình Phùng	Giáp đường số 8 khu QHTT phường Thành Nhất	1,000.00	18	4.5	9	4.5	Đường Trần Phú nối dài
		Giáp đường số 8 khu QHTT phường Thành Nhất	Phan Bội Châu	180.00	20	4.75	10.5	4.75	Theo Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 02/8/2005
IV	ĐƯỜNG PHÂN KHU VỰC			536.80					
1	Ngô Đức Kế	Lê Thánh Tông	Phan Chu Trinh	232.80	14	3.5	7	3.5	Hà Huy Tập (cũ)
2	Lê Đức Thọ	Phan Bội Châu	Ngô Đức Kế	304.00	14	3.5	7	3.5	Lý Thái Tổ (cũ)
V	ĐƯỜNG NHÓM NHÀ Ở			540.00					
1	Đặng Văn Ngữ	Lê Duẩn	Hết đường (khối 3, phường Ea Tam)	540.00	12	3	6	3	Ôi Át (cũ)
VI	CÁC QUỐC LỘ ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT			27,605.60					

1	Nguyễn Văn Cừ (Quốc Lộ 26)	Bùng Binh Km3 (Nguyễn Tất Thành)	Nguyễn Lương Bằng	2,400.00	32	5	10,75+(0,5)+10,75	5	
2	Phạm Văn Đồng (Quốc lộ 26)	Nguyễn Lương Bằng	Hết địa bàn phường Tân Hoà	8,700.00	50	14	10,75+(0,5)+10,75	14	Nguyễn Văn Cừ (cũ)
3	Nguyễn Lương Bằng (Quốc Lộ 27)	Nguyễn Văn Cừ	Ngã ba Nguyễn Lương Bằng-Nguyễn Thái Bình- Đam San	3,540.00	50	13.5	10,5+(2)+10,5	13.5	
4	Nguyễn Chí Thanh	Chu Văn An	Nguyễn Hữu Thọ	248.60	44	9	12+(2)+12	9	Quốc Lộ 14 phía Bắc
		Nguyễn Hữu Thọ	Giải Phóng	927.00	44	9.5	3,5 + (0,5)+ 7,5+ (2) + 7,5 + (0,5) + 3,5	9.5	
		Giải Phóng	Vòng Xoay Nguyễn Chí Thanh-Nguyễn Văn Linh-Đường vành đai phía Tây	2,502.00	50	12.5	3,5 + (0,5)+ 7,5+ (2) + 7,5 + (0,5) + 3,5	12.5	
5	Nguyễn Văn Linh	Vòng Xoay Nguyễn Chí Thanh-Nguyễn Văn Linh-Đường vành đai phía Tây	Hết địa bàn phường Tân An	1,538.00	50	12.5	3,5 + (0,5)+ 7,5+ (2) + 7,5 + (0,5) + 3,5	12.5	Nguyễn Chí Thanh (cũ)
6	Lê Duẩn	Ngã 6 trung tâm	Cầu Ea Tam	1,705.11	30	6	18	6	Theo QĐ số 01/QĐ-BGTVT ngày 04/01/2010 của Bộ GTVT
		Cầu Ea Tam	Phan Huy Chú	1,894.89	30	3	3,5 + (0,5)+ 7,5+ (1) + 7,5 + (0,5) + 3,5	3	
7	Võ Văn Kiệt -Quốc Lộ 14 (đường Nguyễn Thị Định cũ)	Phan Huy Chú	Ngã ba Tổ Hữu - Võ Văn Kiệt	2,550.00	44	9.5	3,5 + (0,5)+ 7,5+ (2) + 7,5 + (0,5) + 3,5	9.5	nt
		Ngã ba Tổ Hữu - Võ Văn Kiệt	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	1,600.00	50	19.5	11	19.5	Theo QĐ số 1976/QĐ-BGTVT ngày 04/7/2008 của Bộ GTVT
B	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH THEO QUYẾT ĐỊNH 24/2010/QĐ-UBND NGÀY 26/8/2010 CỦA UBND TỈNH			910.00					

I	ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ THỊ VÀ ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC								
1	Lê Thánh Tông	Phan Bội Châu	Nguyễn Đình Chiểu	880.00	30	8	14	8	
		Nguyễn Đình Chiểu	Lý Tự Trọng	940.00	24	6	12	6	
C	CÁC ĐƯỜNG BỔ SUNG MỚI			27,300.00					
I	ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ THỊ VÀ ĐƯỜNG LIÊN KHU VỰC			13,550.00					
1	Phạm Hùng	Nguyễn Chí Thanh	Phan Chu Trinh	1,350.00	30	8	14	8	Quy hoạch KM7, Tân An
2	Nguyễn Xuân Nguyên	Nguyễn Chí Thanh	Giáp ranh xã Ea Tu	1,200.00	24	5	14	5	Buôn VHDT
3	Nguyễn Thị Định	Phan Bội Châu - Đường Vành đai phía tây	Hết địa bàn phường Thành Nhất	5,000.00	30	8	14	8	Tỉnh lộ 1
4	Tổ Hữu	Võ Văn Kiệt (ngã ba Duy Hòa)	Hết địa bàn phường Khánh Xuân	6,000.00	30	8	14	8	Tỉnh lộ 2
II	ĐƯỜNG CHÍNH KHU VỰC			2,300.00					
1	Trương Quang Giao	Nguyễn Chí Thanh	Trương Quang Tuân	600.00	24	4.5	15	4.5	Quy hoạch khối 6 Tân An
2	Lê Văn Nhiều	Nguyễn Chí Thanh	Đường Quy hoạch	140.00	10.5	2.25	6	2.25	
		Đường Quy hoạch	Trương Quang Tuân	460.00	24	4.5	15	4.5	
3	Lê Vụ	Nguyễn Chí Thanh	Trương Quang Tuân	600.00	24	4.5	15	4.5	
4	Nguyễn Hồng Ứng	Trương Quang Giao	Lê Vụ	500.00	24	4.5	15	4.5	
III	ĐƯỜNG KHU VỰC			5,750.00					
1	A Ma Pui	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Công Hoan	360.00	18	5	8	5	Quy hoạch khối 1 Tân Lợi
2	Kim Đồng	Văn Tiến Dũng	Giải Phóng	280.00	18	4.5	9	4.5	Quy hoạch KM4-5, Tân An
3	Lê Trọng Tấn	Văn Tiến Dũng	Giải Phóng	250.00	18	4.5	9	4.5	
4	Nay Phao	Văn Tiến Dũng	Giải Phóng	200.00	18	4.5	9	4.5	
5	Hoàng Văn Thái	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	250.00	18	4.5	9	4.5	
6	Kpă Nguyên	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	280.00	18	4.5	9	4.5	
7	Trần Đại Nghĩa	Lý Thái Tổ	Lý Chính Thắng	300.00	18	4.5	9	4.5	
8	Văn Tiến Dũng	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thái Tổ	1,030.00	18	4.5	9	4.5	
9	Đoàn Khuê	Nguyễn Chí Thanh	Tôn Đức Thắng	500.00	18	4.5	9	4.5	
10	Hoàng Minh Thảo	Cao Thắng	Lý Chính Thắng	600.00	18	4.5	9	4.5	